

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2020/HS-PT**
Ngày: 07 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông: **Lê Trọng Hân**

Ông: **Phan Văn Thuận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Thị Cẩm Loan** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Phước T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2019/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Phước T – Sinh năm 1971, tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp G, xã Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị C, vợ Trương Mỹ P, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 13/7/1999 bị đưa đi Cơ sở giáo dục theo Quyết định số 1325/QĐ - UBND ngày 08/7/1999 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn chấp hành là 12 tháng, đến ngày 13/7/2000 chấp hành xong. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo T: Luật sư **Mai Hồng H** – Văn phòng luật sư Chấn Lai – Chi nhánh Kiên Giang, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị hại: Ông **Huỳnh Văn B** (tên gọi khác: Nam), sinh năm: 1986 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Kinh I, xã Đ, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/5/2019, sau khi đã uống rượu Nguyễn Phước T điện thoại cho Huỳnh Văn B (em rể của T) nói chuyện về việc mức lại con kênh trên phần đất mà B đang thuê. Do anh B thuê đất làm ruộng cạnh đất của T, trong lúc nói chuyện thì cả hai phát sinh mâu thuẫn. Bực tức T lấy một cây dao tự chế bằng kim loại đi đến nhà B ở tổ 1, ấp Kinh I, xã Hòa Điền, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Khi đến nơi T chửi mắng và cầm dao hăm dọa chém B, lúc này chị Nguyễn Phương T1 (vợ của B, đồng thời cũng là em gái của T) kéo cửa nhà sau lại không cho B đi ra ngoài và cầm theo một cây dao yếm đi ra gặp T để nói chuyện thì bị T cầm dao chém trúng vào cánh tay trái và vùng cổ trước bên trái của chị Thảo gây thương tích. Thấy cổ vợ bị chảy máu, B cầm cây dao rửa chạy ra chém vào cây dao của T đang cầm làm cây dao của B bị rớt xuống đất, cùng lúc này B bị T cầm dao chém trúng vào vùng hố nách trái gây thương tích. Khi đó chị T1 la lên anh B bị thương rồi nên T bỏ đi, còn anh B và chị T1 được mọi người xung quanh đưa đến Bệnh viện. Sau đó ông Nguyễn Văn D (ba của chị T1) điện thoại báo Công an.

*** Vật chứng vụ án thu giữ được:**

- 01 (một) cây dao, loại dao yếm, tổng chiều dài 36,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 23,5cm, chiều rộng lưỡi dao 6,2cm, cán dao bằng gỗ dài 13 cm, đã qua sử dụng (của người bị hại Nguyễn Phương T1).

- 01 (một) cây dao, loại dao rửa, tổng chiều dài 62,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 34cm, cán dao bằng kim loại và gỗ dài 28,5cm, đã qua sử dụng (của người bị hại Huỳnh Văn B).

- 01 (một) cây dao (loại dao tự chế) bằng kim loại tổng chiều dài 68cm, lưỡi dao dài 28cm, cán dao dài 40cm, đã qua sử dụng (của bị cáo Nguyễn Phước T).

*** Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 432/KL-PY ngày 16/7/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận thương tích đối với Huỳnh Văn B:**

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Sẹo xơ cứng vùng hố nách trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 11% (Mười một phần trăm).

*** Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 449/KL-PY ngày 23/7/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận thương tích đối với Nguyễn Phương T1:**

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo xơ cứng vùng cổ trước bên trái.

- Sẹo mềm vùng cánh tay trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 07% (Bảy phần trăm).

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2019/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

*** Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Phước T – 02 (hai) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 590 Bộ luật dân sự.

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và chị T, theo đó bị cáo bồi thường chi phí điều trị cho chị T 6.649.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 7.000.000 đồng bị cáo tạm nộp theo biên lai thu số 00686 ngày 26/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

- Buộc bị cáo Nguyễn Phước T bồi thường cho anh Huỳnh Văn B số tiền 27.685.162 đồng. Khấu trừ vào 9.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường và 351.000 đồng còn thừa trong số tiền bị cáo tạm khắc phục trong biên lai 00686 ngày 26/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Như vậy, bị cáo còn phải bồi thường thêm 18.334.162 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 12 tháng 12 năm 2019, bị cáo Nguyễn Phước T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và đề nghị trưng cầu giám định lại thương tích của bị hại.

* Ngày 11/12/2019 bị hại Huỳnh Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết tăng hình phạt đối với bị cáo và yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản mất thu nhập trong thời gian 60 ngày x 200.000đ = 12.000.000 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm**, bị cáo T thừa nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng tội của bị cáo. Bị cáo xin rút kháng cáo yêu cầu giám định lại thương tích của bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại giữ nguyên kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. Về phần trách nhiệm dân sự, yêu cầu bị cáo bồi thường thêm tiền nằm viện trong thời gian 3 ngày x 200.000đ/ngày = 600.000đ và tiền mất thu nhập thêm 13 ngày x 250.000đ/ngày = 3.250.000đ, tổng cộng là 3.850.000 đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo*

về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng tội danh của bị cáo.

- Xét kháng cáo của bị cáo: Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án 2 năm tù là phù hợp, bị cáo kháng cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo đã rút kháng cáo yêu cầu giám định lại nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo này.

- Xét kháng cáo của bị hại: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền nằm viện và mất thu nhập tổng cộng là 3.850.000 đồng. Tại tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường thêm số tiền 3.850.000 đồng cho bị hại nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

Đối với kháng cáo tăng hình phạt bị cáo: Nhận thấy, mức án mà cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là phù hợp, tại phiên tòa bị hại cũng không đưa ra được căn cứ mới để tăng hình phạt cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo này của bị hại.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ đối với kháng cáo yêu cầu giám định lại, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự, không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

* *Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa như sau:* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt, nhưng tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát tỉnh Kiên Giang không đề nghị áp dụng cho bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Mặc dù, hoàn cảnh hiện nay của bị cáo rất khó khăn, nhưng sau khi xét xử bị cáo đã cố gắng khắc phục thêm cho bị hại 5.000.000 đồng; vụ án xảy ra cũng do lỗi một phần ở bị hại dùng dao chém qua lại với bị cáo, nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nước ta.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm: Do có mâu thuẫn với nhau nên vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/5/2019, Nguyễn Phước T cầm dao tự chế bằng kim loại đi đến nhà của Huỳnh Văn B ở tổ 1, ấp Kinh I, xã Hòa Điền, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Khi đến nhà B, T chửi mắng và cầm dao hăm dọa chém B thì chị Nguyễn Phương T1 (vợ của B) cầm một cây dao yếm đi ra gặp T để nói chuyện thì bị T cầm dao chém trúng vào cánh tay trái và vùng cổ trước bên trái. Thấy cổ vợ bị chảy máu, B cầm cây dao rựa chạy ra chém nhau với T thì bị T cầm dao chém trúng vào vùng hõ nách trái. Hậu quả B bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11% và T1 bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 07%. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Đối với thương tích của bị hại Nguyễn Phương T1: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1 đã rút yêu cầu khởi tố hình sự đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại: Nhận thấy nguyên nhân xuất phát việc bị cáo gây thương tích cho vợ chồng bị hại là có mâu thuẫn từ trước đó, nhưng không gì lớn, đỉnh điểm dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là bức tức âm ỉ lâu ngày cộng với việc không hài lòng nhau về việc bị hại B mức lại con kênh trên phần đất mà bị hại đang thuê, gần phần đất bị cáo canh tác từ đó có lời qua tiếng lại rồi dẫn đến cả hai dùng hung khí ẩu đã nhau, hậu quả bị hại bị thương tích như trên. Bản thân bị cáo là anh rể của bị hại, vợ chồng em mình có gì không phải với mình thì bị cáo phải cần bình tĩnh, khuyên dạy hoặc tìm cách giải quyết cho êm đẹp nhằm tránh chuyện đáng tiếc có thể xảy ra nhằm giữ được mối quan hệ tình cảm anh em ruột thịt với nhau mới phải, trái lại sau khi đã có chút men rượu từ đó làm tăng thêm sự hiềm khích nên bị cáo đã chọn cách giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực, bị cáo dùng dao tự chế làm hung khí gây thương tích cho vợ chồng em gái mình, qua giám định thương tích của anh B là 11%, (chị T1 là 7% nhưng không yêu cầu xử lý bị cáo) là thương tích nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện bản chất hung hăng, côn đồ, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, hành vi phạm tội của bị cáo còn gây cảm phần bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra, mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù ở đầu khung hình phạt là có căn cứ và phù hợp. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục thêm cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, mặc dù hoàn cảnh gia đình đang rất khó khăn, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường thêm số tiền 3.850.000 đồng theo yêu cầu của bị hại

B, điều này thể hiện thêm sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, HĐXX xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ mới nghĩ nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ thêm một phần hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt cũng đủ nghiêm. Do đó, HĐXX xét thấy kháng cáo của bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đối với kháng cáo của bị hại yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo này của bị hại là thỏa đáng.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo đề nghị xin giám định lại thương tích của bị hại, tại phiên tòa bị cáo tự nguyện rút lại yêu cầu này, HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận việc rút kháng cáo này của bị cáo và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo này là cần thiết.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX đình chỉ đối với kháng cáo yêu cầu giám định lại của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự là có căn cứ nên chấp nhận. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX giữ nguyên mức án 02 năm tù đối với bị cáo là có phần hơi nghiêm như HĐXX đã nhận định trên, nên không chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Luật sư: Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, Luật sư nhận định vụ án xảy ra do một phần lỗi của bị hại là chưa phù hợp, bởi lẽ bị cáo cầm hung khí đến nhà bị hại xô xát, chửi bới bị hại trước, trong vụ án này bị hại cũng không gây thương tích gì cho bị cáo nên không thể nói lỗi một phần ở bị hại được, do đó không chấp nhận quan điểm bào chữa này của vị Luật sư.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại B yêu cầu ngoài số tiền cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho ông là 27.685.162 đồng, ông còn yêu cầu bị cáo bồi thường thêm tiền nằm viện trong thời gian 3 ngày x 200.000đ/ngày = 600.000đ và tiền mất thu nhập thêm 13 ngày x 250.000đ/ngày = 3.250.000đ, tổng cộng là 3.850.000 đồng.

Như vậy, bị hại Huỳnh Văn B yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại các khoản, gồm: Tiền chi phí điều trị thương tích, tiền mất thu nhập của người bệnh, tổn thất tinh thần và các khoản chi phí hợp lý khác... Tổng các khoản là 31.535.162 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường tổng số tiền trên theo yêu cầu của người bị hại B, HĐXX nhận thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại là phù hợp nên ghi nhận. (Cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường các khoản trên là 27.685.162 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho bị hại số tiền 3.850.000 đồng).

Khấu trừ vào số tiền 9.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường trước cho bị hại B và số tiền 351.000 đồng còn thừa trong số tiền bị cáo tạm khắc phục trong biên lai

00686 ngày 26/11/2019 và số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 00714 ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Như vậy, bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại B số tiền còn lại là **17.184.000** đồng (Mười bảy triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Đối với số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp bồi thường cho bị hại B theo biên lai thu số 00714 ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang thì khi bản án có hiệu lực pháp luật bị hại B có trách nhiệm liên hệ đến Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang để nhận số tiền trên.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, bị hại kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo phải chịu án phí dân sự giá ngạch đối với số tiền còn lại phải bồi thường cho bị hại là: 17.184.000 đồng x 5% = 859.000 đồng (tám trăm năm mươi chín nghìn đồng)

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 342, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phước T về yêu cầu giám định lại thương tích của bị hại.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phước T.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Huỳnh Văn B.

- Sửa bản án sơ thẩm số 58/2019/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang

2. **Áp dụng:** Điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* **Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Phước T - 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “**Cố ý gây thương tích**”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 590 Bộ luật dân sự 2015.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại B số tiền còn lại là **17.184.000** đồng (Mười bảy triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Đối với số tiền 5.000.000 đồng triệu đồng mà bị cáo đã nộp bồi thường cho bị hại B theo biên lai thu số 00714 ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang thì khi bản án có hiệu lực bị hại B có trách nhiệm liên hệ đến Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang để nhận số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo, bị hại kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo phải chịu án phí dân sự giá ngạch đối với số tiền còn lại phải bồi thường cho bị hại là 859.000 đồng (Tám trăm năm mươi chín nghìn đồng)

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I (1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng HSNV CA tỉnh KG (1);
- Tổ HCTP (1);
- TAND huyện (1);
- THA huyện (1);
- CQCSĐT huyện (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Tòa hình sự (5);

Nguyễn Thành Quang